



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**VOSA CORPORATION**

Lầu 5, số 12 Tân Trào, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh  
 Tel: 028. 54161820 – 54161822 / Fax: 028. 54161823 – 54161824  
 Email: [vosatctl@vosagroup.com](mailto:vosatctl@vosagroup.com) Website: [www.vosa.com.vn](http://www.vosa.com.vn)

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**Thứ Ba - Ngày 23/06/2020**

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
1	Đón khách và các cổ đông làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.	07 <sup>H</sup> 30 – 08 <sup>H</sup> 15
2	Tuyên bố lý do – Giới thiệu thành phần tham dự. Báo cáo xác nhận tư cách đại biểu cổ đông tham dự.	08 <sup>H</sup> 15 – 08 <sup>H</sup> 30
3	Giới thiệu Chủ tọa và thư ký Đại hội.	08 <sup>H</sup> 30 – 08 <sup>H</sup> 35
4	Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình của Đại hội.	08 <sup>H</sup> 35 – 08 <sup>H</sup> 40
5	Chủ tịch HĐQT báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2019 và phương hướng năm 2020 ( <i>Báo cáo thường niên</i> ).	08 <sup>H</sup> 40 – 08 <sup>H</sup> 50
6	Tổng Giám đốc báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2019 & Kế hoạch SXKD năm 2020 ( <i>Báo cáo thường niên</i> ).	08 <sup>H</sup> 50 – 09 <sup>H</sup> 00
7	Báo cáo kết quả kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2019.	09 <sup>H</sup> 00 – 09 <sup>H</sup> 05
8	Chủ tịch HĐQT báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty.	09 <sup>H</sup> 05 – 09 <sup>H</sup> 15
9	Báo cáo của Ban kiểm soát.	09 <sup>H</sup> 15 – 09 <sup>H</sup> 25
10	Thông báo điều chỉnh nhân sự người đại diện vốn của Tổng công ty hàng hải Việt Nam và nhân sự HĐQT.	09 <sup>H</sup> 25 – 09 <sup>H</sup> 30
11	Phát biểu của Đại diện lãnh đạo VIMC.	09 <sup>H</sup> 30 – 09 <sup>H</sup> 45
12	Các tờ trình Đại hội đồng cổ đông: ○ Tờ trình v/v Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2019. ○ Tờ trình v/v Phân phối lợi nhuận năm 2019. ○ Tờ trình v/v Kế hoạch SXKD năm 2020. ○ Tờ trình v/v kế hoạch đầu tư năm 2020. ○ Tờ trình v/v lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020. ○ Tờ trình v/v sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và thành lập 02 Tiểu Ban (Tiểu Ban nhân sự và chiến lược; Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án) giúp việc HĐQT. ○ Tờ trình v/v thù lao, tiền thưởng HĐQT/BKS/BTGD năm 2020.	09 <sup>H</sup> 45 – 10 <sup>H</sup> 00
13	Đại hội nghỉ giải lao.	10 <sup>H</sup> 00 – 10 <sup>H</sup> 15

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
14	Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến.	10 <sup>H</sup> 15 – 10 <sup>H</sup> 45
15	<p>Chủ tịch Đoàn tiếp thu ý kiến và Đại hội biểu quyết thông qua các tờ trình đã trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2019.</li> <li>+ Phân phối lợi nhuận năm 2019;</li> <li>+ Kế hoạch SXKD năm 2020; Kế hoạch đầu tư năm 2020.</li> <li>+ Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020.</li> <li>+ Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và thành lập 02 Tiểu Ban (Tiểu Ban nhân sự và chiến lược; Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án) giúp việc HĐQT.</li> <li>+ Thù lao, tiền thưởng HĐQT/BKS/BTGD năm 2020.</li> </ul>	10 <sup>H</sup> 45 – 11 <sup>H</sup> 15
16	Thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.	11 <sup>H</sup> 15 – 11 <sup>H</sup> 25
17	Bế mạc Đại hội.	11 <sup>H</sup> 25 – 11 <sup>H</sup> 30



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CTY CP ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM  
-----o0o-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc  
❧❧❧

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2020

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC**

### **TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM NĂM 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

Hội đồng Quản trị Công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA).

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

### **Chương II**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội**

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 04/05/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản (theo mẫu của Công ty);

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và bốn (04) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.

4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo cho chủ tọa Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội, Tổng Giám đốc Công ty và Trưởng Ban kiểm soát.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội ra khỏi phòng họp ĐHĐCĐ.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

### **Chương III**

## **THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội**

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội, mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.

### **Điều 7. Tiến hành Đại hội**

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản và Nghị quyết Đại hội được thông qua.

### **Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội**

8.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;



c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty;

f) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

8.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 9. Phiếu biểu quyết:**

9.1. Phiếu biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm phiếu phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết được ghi mã số, họ tên cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

### **Điều 10. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội**

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được thực hiện bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Phiếu biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

### **Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến: nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

### **Điều 12. Biên bản Đại hội**

12.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

12.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

12.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

12.4. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành.

### **Điều 13. Nghị quyết Đại hội**

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua.

### **Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế**

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 167 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*“V/v phân phối lợi nhuận năm 2019”*

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội: phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	KH 2019	Tỷ lệ PP	Thực hiện 2019	Tỷ lệ PP
1	Tổng Doanh thu	995.000.000.000		905.252.994.383	
2	Lợi nhuận trước thuế	55.000.000.000		42.194.940.181	
3	Lợi nhuận sau thuế	44.000.000.000		36.313.548.374	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( EPS )	2.622		2.241	
5	Lợi nhuận được phân phối	44.000.000.000		36.313.548.374	
6	Cổ tức	21.144.729.000	15%	-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	8.800.000.000	20%	10.894.064.512	30%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.280.000.000	12%	4.357.625.805	12%
9	Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	1.320.000.000	3%	726.270.967	2%
10	Quỹ thưởng Người quản lý (*)	440.000.000	1%	144.000.000	1%

(\*) Cổ tức năm 2019: Phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ tạm thời chưa thực hiện chia cổ tức. Sau khi tình hình dịch bệnh Covid được kiểm soát, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, khả năng cân đối dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, HĐQT xây dựng phương án chia cổ tức trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định mức chia cổ tức phù hợp (bằng hình thức: xin ý kiến biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp).

(\*) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2019: mặc dù Công ty không hoàn thành chỉ tiêu tổng lợi nhuận mà ĐHĐCĐ đã giao, nhưng tập thể CBCNV vẫn cố gắng phấn đấu thực hiện đạt 42,194 tỷ đồng LNTT (trong đó, LN từ hoạt động SXKD đạt cao hơn so với năm 2018). Do đó để động viên, khuyến khích CBCNV, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Quỹ thưởng Người quản lý năm 2019 như trên (1% LNST) và thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (mục b, khoản 2, điều 18 của Thông tư này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 168 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**“V/v kế hoạch SXKD năm 2020”**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội: kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Tỷ lệ PP	KH 2020	Tỷ lệ PP
1	Tổng Doanh thu	905.252.994.383		900.000.000.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	42.194.940.181		42.000.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	36.313.548.374		36.200.000.000	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( EPS )	2.241		2.234	
5	Lợi nhuận được phân phối	36.313.548.374		36.200.000.000	
6	Cổ tức (bằng tiền mặt)	-	-	-	
7	Quỹ đầu tư phát triển	10.894.064.512	30%	-	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.357.625.805	12%	-	
9	Quỹ đổi ngoại phát triển kinh doanh	726.270.967	2%	-	
10	Quỹ thưởng Người quản lý (*)	144.000.000	1%	-	

- Mức cổ tức và tỷ lệ trích lập các quỹ nêu trên sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2020. Trường hợp Công ty đạt được lợi nhuận sau thuế bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì mức cổ tức năm 2020 không thấp hơn năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 169 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*“V/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty”*

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/06/2006.

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2011.

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

Để hoạt động của Công ty tuân thủ theo các Quy định và phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các cổ đông cũng như phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:

1. Sửa đổi Điều lệ Công ty;
2. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

(Vui lòng xem phần nội dung sửa đổi/bổ sung đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 170 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*“V/v thành lập 02 Tiểu Ban giúp việc HĐQT:*

*Tiểu Ban nhân sự và chiến lược; Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án)”*

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/06/2006.

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2011.

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

Căn cứ mô hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) nhận thấy cần thiết phải thành lập một số tiểu ban nhằm hỗ trợ cho hoạt động của HĐQT, ngày 09/01/2020 HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ/HĐQT.NK4 v/v thông qua chủ trương thành lập 02 tiểu ban: Tiểu ban nhân sự và chiến lược; Tiểu ban kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Để việc thành lập 02 tiểu ban trên được thông qua và bắt đầu đi vào hoạt động theo đúng quy định tại Điều 17 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận:

1. Thông qua việc thành lập Tiểu ban nhân sự và chiến lược; Tiểu ban kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án trực thuộc HĐQT;

2. Thông qua ủy quyền cho HĐQT chủ động thành lập các Tiểu ban khác khi cần thiết và không trái với Điều lệ, Quy chế Công ty và các quy định pháp luật;

3. Thông quy ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh, bổ sung thành viên các Tiểu ban và phê duyệt Quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của các Tiểu ban; HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của các Tiểu ban thông qua Báo cáo năm của HĐQT trước Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 171 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**“V/v thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phụ trách quản trị Công ty và**  
**Quỹ tiền thưởng Người quản lý Công ty thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020”**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

Để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc điều hành và giám sát quá trình hoạt động SXKD Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

**I. Thực hiện năm 2019 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019:**

1. Mức thù lao đã chi năm 2019:

\* Hội đồng quản trị: 756 triệu đồng (bình quân 9 triệu đồng/người/tháng)

- Số lượng thành viên HĐQT: 07 người.

\* Ban kiểm soát: 288 triệu đồng (bình quân 6 triệu đồng/người/tháng)

- Số lượng thành viên BKS: 05 người/06 tháng đầu năm và 03 người/06 tháng cuối năm.

\* Thư ký Công ty: 48 triệu đồng (bình quân 4 triệu đồng/người/tháng)

- Số lượng: 01 người.

2. Quỹ tiền thưởng của Người quản lý Công ty năm 2019: 363.135.483 đồng.

**II. Đề xuất năm 2020:**

1. Mức thù lao của thành viên HĐQT : Bình quân 9.000.000 đồng/người/tháng.

2. Mức thù lao của thành viên BKS : Bình quân 6.000.000 đồng/người/tháng.

3. Mức thù lao của Phụ trách QT Công ty : 4.000.000 đồng/người/tháng.



### III. Quỹ tiền thưởng của Người quản lý Công ty năm 2020:

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét Quỹ tiền thưởng cho Người quản lý Công ty như sau:

- Khi đạt bằng hoặc vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2020: được trích 1% lợi nhuận sau thuế. Thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 172 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*“V/v thông qua Báo cáo Thường niên năm 2019 và  
Báo cáo Tài chính năm 2019 (đã được kiểm toán)”*

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

1. Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội: thông qua báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (Báo cáo tài chính kiểm toán chi tiết đã được in trong Báo cáo thường niên năm 2019).

2. Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội: thông qua Báo cáo Thường niên năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM    Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 173 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**“V/v kế hoạch đầu tư 2020”**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ/HĐQT.NK4 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam ngày 15/06/2020.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch đầu tư năm 2020 như sau:

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
<b>1. VOSA QUẢNG NINH</b>					
a	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	10.200 m <sup>2</sup>	6.500	Vốn tự có	2018-2020
b	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới 450 mđường rào, cầu cân 80T, nhà bảo vệ.	2.700	Vốn tự có	Dự kiến thực hiện sau khi Ban QL khu KT QN hoàn thành công tác GPMB tuyến đường gom khu CN Cái Lân, đến nay công tác GPMB chưa hoàn thành. (2018-2020)
c	Cải tạo nhà làm việc của VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu văn phòng làm việc hiện tại	Sửa chữa cải tạo khoản 1.100 m <sup>2</sup> nhà văn phòng làm việc	3.750	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)
d	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1.200	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)
e	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1.500	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
<b>2. NORTHFREIGHT</b>					
	Dự án lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho kho CFS	Lắp đặt mới hệ thống chữa cháy tự động cho 2.834 m <sup>2</sup> kho CFS	1.200	Vốn tự có	2020
<b>3. VOSA HẢI PHÒNG</b>					
	Cải tạo sửa chữa nhà kho lưu trữ cơ quan	Sửa chữa cải tạo	300	Vốn tự có	2020
<b>4. VOSA SÀI GÒN</b>					
	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	Bán hầm + 09 tầng nổi (tầng trệt, tầng lửng, 06 lầu, tầng sân thượng và mái che cầu thang) trên diện tích 361,1m <sup>2</sup>	5.000	Vốn tự có	Quý I/2020 đến Quý II/2021
<b>5. VOSA VŨNG TÀU</b>					
	Sửa chữa, tu bổ mặt tiền trụ sở	Sửa chữa cải tạo	120	Vốn tự có	Quý II/2021
<b>6. THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ:</b>					
a	Chủ trương nghiên cứu dự án mở cảng thủy nội địa và ICD tại Khu vực Bắc Ninh để phục vụ trung chuyển thu gom hàng phía Bắc.				
b	Chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng khu đất thương mại 25 Điện Biên Phủ, TP Hải Phòng (dịch vụ và thương mại).				
c	Chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng kho bãi, cầu cảng tại Vosa Quy Nhơn.				
d	Chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng kho bãi tại Quận 7, TP Hồ Chí Minh.				
e	Chủ trương nghiên cứu mở rộng kho bãi (kho bãi di động từ việc mua container cũ qua sử dụng).				

- Tổng giá trị đầu tư: 22.270.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: trích từ Quỹ đầu tư phát triển.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 174 /TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*“V/v kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020”*

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 26/06/2019.

Ban kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội xem xét, lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020 như sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
2. Công ty TNHH KPMG (Việt Nam).
3. Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc giao cho HĐQT quyết định lựa chọn trong một trong các công ty kiểm toán trên đây (sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát Công ty) thực hiện việc soát xét BCTC 06 tháng và kiểm toán BCTC năm 2020 cho Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam.

Trân trọng kính chào.



**Hoàng Việt**

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kính thưa Quý cổ đông!

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT Công ty trong năm 2019, kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2020, như sau:

### **I. Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty năm 2019:**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Năm 2019 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định do ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc và đặc biệt là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan mặc dù đã dần khôi phục so với năm 2018, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng; đại lý liner cũng cạnh tranh khốc liệt, hãng tàu Namsung Shipping tách ra tự thành lập Công ty; phí đại lý ngày càng giảm sâu. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và ổn định được các dịch vụ cốt lõi, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, có hiệu quả. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 2.241 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính dần được siết chặt, việc bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình;

- Công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

#### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

- Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc cơ bản thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2019.

#### **3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2019:**

Đơn vị tính: Triệu đồng.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch năm 2019</b>	<b>Thực hiện năm 2019</b>	<b>Thực hiện năm 2018</b>	<b>Thực hiện so với kế hoạch</b>	<b>Thực hiện so với năm 2018</b>
Tổng doanh thu	995.000	905.253	975.018	91%	93%
Doanh thu kinh doanh	970.000	878.333	914.804	91%	96%
Lợi nhuận trước thuế	55.000	42.195	61.335	77%	69%



**4. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2019:**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	
2	Tổng doanh thu	995.000.000.000	905.252.994.383	
3	Doanh thu kinh doanh	970.000.000.000	878.333.399.910	
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	55.000.000.000	42.194.940.181	
5	Lợi nhuận sau thuế	44.000.000.000	36.313.548.374	
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622	2.241	
7	Cổ tức (%)	21.144.729.000	21.144.729.000	15%
8	Quỹ đầu tư phát triển	8.800.000.000	10.894.064.512	30%
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.280.000.000	4.357.625.805	12%
10	Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	1.320.000.000	726.270.967	2%
11	Quỹ thưởng Người quản lý (*)	440.000.000	144.000.000	1%

(\*) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2019: thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (mục b, khoản 2, điều 18 của Thông tư này).

**II. Tình hình quản trị công ty:****1. Hội đồng quản trị:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 4 (2019 – 2024):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	Bắt đầu từ 26/06/2019
2	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách	0,01	Thành viên điều hành	1	Bắt đầu từ 26/06/2019
3	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
4	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương	0,02	Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	6,95	Thành viên không điều hành	2	Bắt đầu từ 26/06/2019
6	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	Bắt đầu từ 26/06/2019
7	Nguyễn Thế Tiệp	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 26/06/2019

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
8	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	2	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
9	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	2	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
10	Hoàng Hoa Phòng	Thành viên HĐQT	0,02	Thành viên không điều hành	1	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
11	Trần Ngọc Lê	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Miễn nhiệm từ 26/06/2019

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2019, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và 14 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời công tác SXKD, đầu tư XDCB ... Nội dung chính của các cuộc họp và lấy ý kiến đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2019.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các cuộc họp. Thực hiện nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

### III. Các Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020:

#### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	KH 2020	Tỷ lệ % (KH2020/TH2019)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	99,42
2	Tổng doanh thu	905.252.994.383	900.000.000.000	95,98
3	Doanh thu kinh doanh	878.333.399.910	843.000.000.000	99,54
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	42.194.940.181	42.000.000.000	99,69
5	Lợi nhuận sau thuế	36.313.548.374	36.200.000.000	96,25
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.241	2.157	99,42

- Mức cổ tức và tỷ lệ trích lập các quỹ năm 2020 sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2020. Trường hợp Công ty đạt được lợi nhuận sau thuế bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì mức cổ tức năm 2020 không thấp hơn năm 2019.

## 2. Các định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020:

- Năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã gặp nhiều khó khăn, thách thức ngay từ đầu năm, dự báo sẽ ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu do Đại dịch Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm.

- Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng chiến lược phát triển và mục tiêu cho năm 2020 như sau:

+ Định hướng chiến lược phát triển ngành nghề đại lý hàng hải - logistics gắn với tập trung phát triển đầu tư một số dự án cảng thủy nội địa và ICD tại khu vực trung tâm sản xuất hàng hóa phía Bắc; triển khai thực hiện phương án, dự án khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính, nhà đất, kho bãi hiện có của Công ty và đa dạng hóa các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi.

+ Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực về đại lý hàng hải chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu SXKD kết hợp với tăng cường quản lý nhân sự, tạo nguồn cán bộ kế cận có năng lực và đạo đức để công ty phát triển ổn định.

+ Thực hiện mục tiêu tinh giản bộ máy (nhân sự các cấp trung gian), SXKD gọn nhẹ và hiệu quả; đồng thời tiết giảm chi phí quản lý, điều hành và SXKD; nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2020 và trong nhiệm kỳ IV (2019 – 2024). Cuối cùng, tập thể HĐQT Công ty xin gửi đến toàn thể Quý cổ đông Công ty lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đỗ Tiến Đức**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

Kính thưa Quý cổ đông!

Ban Tổng giám đốc (BTGD) Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng hoạt động năm 2020 của BTGD, như sau:

### I. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2019 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2019 và đã được nhất trí thông qua, cụ thể như sau:

+ Tổng doanh thu: 995.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 55.000.000.000 đồng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2018
Tổng doanh thu	995.000	905.253	975.018	91 %	93 %
Doanh thu kinh doanh	970.000	878.333	914.804	91 %	96 %
Lợi nhuận trước thuế	55.000	42.195	61.335	77 %	69 %

\* Kết quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty không đạt kế hoạch được giao do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

- Doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do doanh thu từ đại lý vận tải giảm mạnh khi không có một số hoạt động thương mại đột biến và doanh thu tài chính (năm trước có ghi nhận phần chuyển nhượng vốn góp của VOSA tại VOSA Land với mức doanh thu/lợi nhuận tài chính khoảng 33,4 tỷ đồng).

- Các hoạt động dịch vụ khác có tăng trưởng về sản lượng nhưng không bù đắp được sự sụt giảm từ hai nguồn doanh thu trên nên doanh thu chung và lợi nhuận của công ty đều giảm sút.

- Trong quý III/2019, công ty phải nộp khoản truy thu tiền thuê đất kho bãi tại Quy Nhơn, Bình Định với số tiền là 2,5 tỷ đồng (trong những năm qua do đang yêu cầu thu hồi đất nên UBND Tỉnh Bình Định/Cục Thuế tỉnh Bình Định chưa gửi thông báo nộp tiền thuê đất cho thời gian từ 07/12/2015 đến 31/05/2019) nên ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của công ty.

- Hãng tàu Namsung đã tách ra thành lập công ty của họ tại Việt Nam và chấm dứt hợp đồng đại lý liner với công ty từ cuối tháng 07/2019 khiến cho doanh thu và lợi nhuận từ dịch vụ đại lý liner của công ty đều sụt giảm mạnh trong quý III/2019.

- Hoạt động dịch vụ đại lý tàu trong năm 2019 tăng về số lượng tàu phục vụ so với năm 2018. Các chi nhánh có số lượng tàu phục vụ tăng nhiều là VOSA Bến Thủy, VOSA Nha Trang, VOSA Cần Thơ, VOSA Vũng Tàu. Các tàu mà các chi nhánh này phục vụ chủ yếu là những tàu nhỏ hoặc tàu chở hàng nội địa, hàng hóa phục vụ không tăng tương ứng với số lượng tàu phục vụ nên đại lý phí rất thấp. Dù lượng tàu phục vụ tăng và doanh thu xấp xỉ cùng kỳ năm trước nhưng lợi nhuận từ đại lý tàu giảm sút so với cùng kỳ.

- Tại TP. HCM, các hãng tàu container lớn đang tạo liên kết để tăng sức cạnh tranh và ngày càng làm cho các hãng tàu nhỏ phải giảm bớt tuyến để cắt giảm chi phí. Do bị tắc nghẽn cầu cảng tại Philippine làm ảnh hưởng đến việc tàu phải chờ cầu quá lâu nên hãng tàu ONE phải cắt giảm tuyến và giảm sản lượng tàu về khu vực TP. HCM. Các hãng tàu container do Ben Lines khai thác giảm số chuyến có hành trình đến/đi Trung Quốc đã làm hưởng đến sản lượng đại lý tàu chi nhánh Vitamas trong 6 tháng qua. Hãng tàu ONE thì bỏ tuyến tàu vào cảng Tân Cảng Hiệp Phước vì sản lượng thấp và do tàu phải chờ cầu rất lâu tại Philippine, hiện nay mỗi tuần chỉ còn 2 lượt tàu, một tàu vào cảng Cát Lái và một tàu vào cảng Cái Mép.

- Giá nhiên liệu biến động liên tục khiến cho chi phí vận tải và chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, lợi nhuận giảm sút khi không thể điều chỉnh giá dịch vụ cho những hợp đồng dài hạn.

- Phần lớn các doanh nghiệp logistics nước ngoài đã thành lập công ty riêng của họ, chỉ để lại một số loại hình kinh doanh còn hạn chế cho các doanh nghiệp Việt Nam, các liên doanh nên sức ép cạnh tranh lên các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng khốc liệt, cơ hội phát triển càng khó khăn.

- Các thân chủ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên yêu cầu các đơn vị làm dịch vụ chia sẻ khó khăn bằng cách giảm giá dịch vụ, dùng nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ để ép giảm giá hoặc chỉ ký hợp đồng dịch vụ ngắn hạn.

- Để ký được hợp đồng dài hạn, công ty phải chấp nhận cung cấp dịch vụ với giá rất thấp để có thể thắng thầu và được chỉ định cung cấp dịch vụ.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

- + Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.
- + Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- + Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.
- + Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

Tuy nhiên, nhận định về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2019 và những yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, dù còn nhiều khó khăn phải đối mặt nhưng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã đặt kế hoạch cho năm 2020 không giảm nhiều so với năm trước.

## **2. Đánh giá hiệu quả từng hoạt động sản xuất kinh doanh:**

### **2.1. Hoạt động đại lý tàu:**

- Sản lượng đại lý tàu đạt 3.310 tàu - tăng 9% so với năm 2018; trong đó: tàu hàng rời tăng 21% do sản lượng tàu tại khu vực Hà Tĩnh và TP. HCM tăng lên, tàu container giảm 26% do các hãng tàu container cắt hủy chuyến.

- Mặc dù sản lượng tăng lên nhưng doanh thu chung chỉ xấp xỉ doanh thu năm 2018.

- Đây là loại hình mang tính cạnh tranh khốc liệt vì các công ty nước ngoài có hệ thống toàn cầu đã liên kết để giành quyền làm đại lý tàu cho các tàu của họ tại Việt Nam, các công ty tư nhân thì phá giá và chấp nhận làm với mọi mức giá, thậm chí miễn phí đại lý để giành các dịch vụ khác nên công ty cũng phải chấp nhận điều chỉnh giá dịch vụ ở mức rất thấp để có việc làm nên doanh thu không tăng nhiều dù sản lượng tăng.

- Doanh thu đại lý tàu chỉ chiếm tỷ trọng 6,7% của doanh thu kinh doanh nhưng chiếm tỷ trọng 30,1% của lợi nhuận gộp.



- Xác định đây là hoạt động truyền thống và mang lại hiệu quả tốt nhưng thị phần để phát triển rất hẹp và khó khăn nên ngoài việc giữ chân các khách hàng truyền thống thì công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới, tranh thủ sự ủng hộ của các chủ hàng để tăng sản lượng và doanh thu.

## 2.2. Hoạt động đại lý liner:

- Sản lượng đại lý liner đạt 93.474 Teus - giảm 32% so với năm 2018 do việc hãng tàu Namsung Shipping chấm dứt hợp đồng đại lý từ ngày 31/07/2019 để thành lập công ty 100% vốn nước ngoài kéo theo doanh thu từng hoạt động này giảm mạnh (giảm 29%).

- Doanh thu từ đại lý liner chỉ chiếm 2,55% của doanh thu kinh doanh nhưng chiếm tỷ trọng 12,52% của lợi nhuận gộp.

- Đây cũng là hoạt động mang lại hiệu quả cao và có ảnh hưởng đến các hoạt động dịch vụ khác như đại lý vận tải, kiểm đếm nên công ty đang chú trọng tìm kiếm và tiếp cận các hãng tàu container (hiện chỉ còn các hãng tàu nhỏ chạy nội Á hoặc các hãng khai thác không tàu) đang có kế hoạch khai thác tại thị trường Việt Nam để bù đắp cho việc hãng tàu Namsung chấm dứt hợp đồng.

## 2.3. Hoạt động đại lý vận tải:

- Doanh thu đại lý vận tải chỉ bằng 90% so với năm 2018 do một số yếu tố sau:

+ Trong doanh thu năm 2018 có ghi nhận doanh thu từ hoạt động thương mại đột biến (khoảng 23 tỷ đồng) do xuất hóa đơn trọn gói dịch vụ - hoạt động này không thực hiện được trong năm 2019 do khách hàng không xuất được hàng biên mậu vì có sự thay đổi chính sách quản lý của nhà nước;

+ Các dự án của nhà thầu xây dựng cảng Lạch Huyện đã kết thúc;

+ Lượng hàng qua khu vực cảng Cái Lân giảm mạnh nên ảnh hưởng đến hoạt động đại lý vận tải tại khu vực;

+ Các hợp đồng dài hạn phải chấp nhận bỏ thầu với giá rất thấp để giành được hợp đồng nên doanh thu và lợi nhuận biên không cao.

+ Doanh thu đại lý vận tải chiếm tỷ trọng 58,8% của doanh thu kinh doanh và chiếm 30,5% của lợi nhuận gộp.

- Đây là hoạt động cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất và vốn lưu động cao để có thể hoạt động cạnh tranh. Mặc dù còn những hạn chế về cơ sở vật chất (kho bãi, phương tiện) nhưng công ty xác định vẫn phải tiếp tục chú trọng đẩy mạnh hoạt động này dù thị phần về logistics tại Việt Nam do các công ty logistics toàn cầu chiếm thị phần lớn nhưng công ty sẽ tập trung vào những phân khúc nhỏ hơn, phù hợp hơn với điều kiện về cơ sở vật chất và vốn của mình.

## 2.4. Hoạt động kho bãi:

- Doanh thu tăng 11,6% so với năm 2018.

- Số lượng kho bãi của công ty vẫn như năm 2018, chủ yếu hoạt động tại khu vực phía Bắc (Quảng Ninh và Hải Phòng). Doanh thu tăng do công ty phải thuê thêm một số kho bên ngoài phục vụ khách hàng (không mang lại lợi nhuận từ hoạt động kho bãi mà chỉ để cung cấp dịch vụ đại lý vận tải) nên tuy doanh thu tăng nhưng lợi nhuận gộp chỉ xấp xỉ năm 2018.

- Kho bãi tại khu vực Hải Phòng đang gặp nhiều khó khăn khi các hãng tàu đang chuyển ra các kho bãi và depot tại khu vực Lạch Huyện để cắt giảm chi phí vận chuyển nên với vị trí không phù hợp thì việc khai thác ngày càng gặp nhiều khó khăn.

- Kho bãi tại khu vực Quy Nhơn và Đà Nẵng hoạt động không hiệu quả do lượng hàng hóa lưu kho rất ít.

- Kho bãi tại khu vực quận 7, TP. HCM khó khai thác vì khu vực này tiếp tục bị sụt lún, nền kho nứt, đường vào khó khăn nên để có thể khai thác cần phải có chi phí rất lớn để sửa chữa.



- Doanh thu từ hoạt động kho bãi chiếm tỷ trọng 16,4% của doanh thu kinh doanh và chiếm 8% tỷ trọng lợi nhuận gộp.

#### 2.5. Hoạt động kiểm đếm:

- Năm 2019, lượng ô tô nhập về tăng vọt nên doanh thu kiểm đếm của đơn vị cũng tăng bù đắp cho sự sụt giảm từ kiểm đếm hàng hóa.

- Doanh thu kiểm đếm xấp xỉ năm 2018, chiếm tỷ trọng 3% của doanh thu kinh doanh và chiếm tỷ trọng 12.5% của lợi nhuận gộp.

- Đối với hàng container, các cảng đã cung cấp dịch vụ kiểm đếm miễn phí cho các hãng tàu nên còn rất ít hãng sử dụng dịch vụ của công ty.

- Công ty chú trọng tập trung dịch vụ đối với các tàu hàng rời có kiểm đếm và một số dịch vụ phụ trợ để tăng doanh thu.

### 3. Tổ chức và nhân sự:

#### 3.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Cử nhân ngoại ngữ	02/03/2017 <b>17/04/2020</b> (PTGD phụ trách)	1.089	0,01
2	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	26/06/2019 <b>17/04/2020</b> (PTGD phụ trách)	1.452	0,01
3	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	16/06/2014 <b>26/06/2019</b> (TGD)	2.783	0,02

#### 3.2. Các thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Trong năm 2019, Công ty đã ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại nhân sự bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và đang thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

+ Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

### 4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 4.1. Đầu tư sản xuất kinh doanh và các dự án khác:

Năm 2019, Công ty được phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng và 3 dự án mua sắm thiết bị. Tuy nhiên vì nhiều lý do khách quan nên không có dự án nào được triển khai. Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2019
<b>Dự án ĐTXDCB</b>				
<b>1</b>	<b>VOSA QUẢNG NINH</b>			
1.1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	6.500	0%	Thực hiện bởi Trung tâm phát triển quỹ đất TP. Hạ Long
1.2	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, cổng số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	2.700	0%	Ban QL Khu Kinh tế QN và Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiến hành đo đạc, kiểm đếm lập khối lượng và giá trị GPMB phạm vi thu hồi đất (vào khu đất của VOSA QN). Sau khi có thông báo về giá trị đền bù được phê duyệt và QĐ thu hồi đất VOSA QN mới được tiến hành phá dỡ, xây dựng tuyến hàng rào. Do nhu cầu khai thác đã mở đường vào cổng số 2 khu kho bãi Cái Lân.
1.3	Cải tạo nhà làm việc tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu VP làm việc hiện tại	3.750	0%	Đã mời đơn vị tư vấn khảo sát lập thiết kế sơ bộ, trước khi đánh giá lập TKKT thi công và dự toán công trình.
1.4	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu VP	1.200	0%	Do lượng hàng tồn kho nên chưa thể triển khai thác hiện. Trong năm 2020 sẽ triển khai từng phần nhằm tránh ảnh hưởng tới việc khai thác hàng hóa kho IA và khu vực lân cận.
1.5	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	1.500	0%	
<b>2</b>	<b>NORTHFREIGHT</b>			
2.1	Sửa chữa kho, bãi container	300	0%	Do khai thác kho bãi sản lượng hàng hóa thấp, doanh thu và lợi nhuận không cao nên NF tạm dừng việc đầu tư sửa chữa
2.2	Xây dựng tường rào	200	0%	Đây là kế hoạch đầu tư dự phòng. Vì kho bãi của NF nằm dưới sự quản lý của hải quan, nếu NF muốn kinh doanh hàng hóa không nằm dưới sự giám sát của hải quan (hàng hóa nội địa hoặc hàng đã thông quan) thì phải xây tường ngăn cách, có cổng đi riêng và phải làm lại giấy phép của Tổng cục hải quan. Giai đoạn 2018 NF có khách hàng muốn thuê một phần bãi vì vậy NF mới xây dựng phương án đầu tư, nhưng do đơn giá thuê quá thấp, không đủ bù lại chi phí nên năm 2019 NF không đầu tư xây tường rào ngăn.

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2019
3	<b>VOSA QUY NHƠN</b>			
3.1	Sửa chữa văn phòng VOSA 147 Trần Hưng Đạo, Quy nhơn	2.159	0%	Do tình hình kinh doanh năm 2019 gặp nhiều khó khăn nên HĐQT quyết định tạm dừng việc sửa chữa.
4	<b>VOSA SÀI GÒN</b>			
4.1	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	10.000	0%	Chậm triển khai do chậm phê duyệt kế hoạch và một số hồ sơ pháp lý tại địa phương. Hiện nay dự án đang hoàn thiện hồ sơ Báo cáo đầu tư. Dự án chuyển sang kế hoạch năm 2020.
<b>Dự án mua sắm thiết bị/phương tiện/máy móc</b>				
1	<b>NORTHFREIGHT</b>			
1.1	Mua xe ô tô vận tải	4.700	0%	Các xe nhập về VN năm 2019 bắt buộc phải nhập xe tiêu chuẩn khí thải EURO 4, vì điều kiện này đã làm cho giá xe trên thị trường năm 2019 tăng từ 15% đến 20% so với năm 2018. Việc đầu tư sẽ tăng vốn lên từ 200 đến 300tr đ/xe nên NF không đầu tư mua xe nữa vì khai thác không hiệu quả.
2	<b>VOSA HẢI PHÒNG</b>			
2.1	Mua xe ô tô	1.200	0%	Do tình hình kinh doanh năm 2019 gặp nhiều khó khăn nên dự án chưa được triển khai.
3	<b>VOSA NHA TRANG</b>			
3.1	Mua xe ô tô	1.000	0%	Chuyển xe từ VOSA Hà Nội về VOSA Nha Trang sử dụng nên không mua mới.

### 5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	
2	Tổng doanh thu	995.000.000.000	905.252.994.383	
3	Doanh thu kinh doanh	970.000.000.000	878.333.399.910	
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	55.000.000.000	42.194.940.181	
5	Lợi nhuận sau thuế	44.000.000.000	36.313.548.374	
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622	2.241	
7	Cổ tức (%)	21.144.729.000	21.144.729.000	15%
8	Quỹ đầu tư phát triển	8.800.000.000	10.894.064.512	30%

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.280.000.000	4.357.625.805	12%
10	Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	1.320.000.000	726.270.967	2%
11	Quỹ thưởng Người quản lý (*)	440.000.000	144.000.000	1%

(\*) Quỹ thưởng Người quản lý năm 2019: thực hiện mức trích tối đa theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (mục b, khoản 2, điều 18 của Thông tư này).

## 6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.
- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được về công tác quản trị công ty:
  - + Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
  - + Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của công ty nên công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tốt và có nhiệt huyết với công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.
  - + Ban hành Quy chế quản lý công nợ để quy định rõ và siết chặt việc quản lý công nợ đối với các khách hàng, các quy định quản lý nội bộ.
  - + Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ tiềm tàng.
  - + Tiếp tục sửa đổi Quy chế tiền lương đã ban hành cho phù hợp với những quy định mới về tiền lương và phù hợp với tình hình thực tế sau một thời gian áp dụng quy chế mới, khắc phục những vấn đề còn bất cập trong quy chế tiền lương.

## II. Kế hoạch phát triển trong năm 2020:

### 1. Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

- Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan;
- Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động marketing tới các chủ tàu, các chủ hàng lớn; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn để phát triển chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng như dịch vụ đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa v.v để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ trọn gói cho khách hàng;
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, nhất là quản trị tài chính.
- Duy trì các khách hàng hiện hữu, thu hút thêm khách hàng mới.
- Tiến hành thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của khách hàng 06 tháng/lần và phấn đấu đạt tối thiểu 80% khách hàng có phản hồi tốt về chất lượng dịch vụ do Công ty cung cấp.
- Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng.

- Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống các chỉ tiêu BSC-KPI tại Công ty.
- Nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Quy chế tiền lương gắn với hệ thống các chỉ tiêu BSC-KPI.
- Triển khai sử dụng phần mềm kho dữ liệu và báo cáo thống kê (MIS-BI) tại Công ty.

## 2. Kế hoạch SXKD năm 2020:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	KH 2020	Tỷ lệ % (KH2020/TH2019)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	99,42
2	Tổng doanh thu	905.252.994.383	900.000.000.000	95,98
3	Doanh thu kinh doanh	878.333.399.910	843.000.000.000	99,54
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	42.194.940.181	42.000.000.000	99,69
5	Lợi nhuận sau thuế	36.313.548.374	36.200.000.000	96,25
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.241	2.157	99,42

- Mức cổ tức và tỷ lệ trích lập các quỹ năm 2020 sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2020. Trường hợp Công ty đạt được lợi nhuận sau thuế bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì mức cổ tức năm 2020 không thấp hơn năm 2019.

## 3. Kế hoạch đầu tư năm 2020:

3.1 - Các dự án xây dựng thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2019: Không có.

3.2 - Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2020:

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
<b>1. VOSA QUẢNG NINH</b>					
a	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	10.200 m <sup>2</sup>	6.500	Vốn tự có	2018-2020
b	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới 450 mđ tường rào, cầu cân 80T, nhà bảo vệ.	2.700	Vốn tự có	Dự kiến thực hiện sau khi Ban QL khu KT QN hoàn thành công tác GPMB tuyến đường gom khu CN Cái Lân, đến nay công tác GPMB chưa hoàn thành. (2018-2020)
c	Cải tạo nhà làm việc của VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu văn phòng làm việc hiện tại	Sửa chữa cải tạo khoản 1.100 m <sup>2</sup> nhà văn phòng làm việc	3.750	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
d	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1.200	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)
e	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1.500	Vốn tự có	2020 (chuyển tiếp)
<b>2. NORTHFREIGHT</b>					
	Dự án lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho kho CFS	Lắp đặt mới hệ thống chữa cháy tự động cho 2.834 m <sup>2</sup> kho CFS	1.200	Vốn tự có	2020
<b>3. VOSA HẢI PHÒNG</b>					
	Cải tạo sửa chữa nhà kho lưu trữ cơ quan	Sửa chữa cải tạo	300	Vốn tự có	2020
<b>4. VOSA SÀI GÒN</b>					
	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	Bán hầm + 09 tầng nổi (tầng trệt, tầng lửng, 06 lầu, tầng sân thượng và mái che cầu thang) trên diện tích 361,1m <sup>2</sup>	5.000	Vốn tự có	Quý I/2020 đến Quý II/2021
<b>5. VOSA VŨNG TÀU</b>					
	Sửa chữa, tu bổ mặt tiền trụ sở	Sửa chữa cải tạo	120	Vốn tự có	Quý II/2021
<b>6. THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ:</b>					
a	Chủ trương nghiên cứu dự án mở cảng thủy nội địa và ICD tại Khu vực Bắc Ninh để phục vụ trung chuyển thu gom hàng phía Bắc.				
b	Chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng khu đất thương mại 25 Điện Biên Phủ, TP Hải Phòng (dịch vụ và thương mại).				
c	Chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng kho bãi, cầu cảng tại Vosa Quy Nhơn.				
d	Chủ trương nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng kho bãi tại Quận 7, TP Hồ Chí Minh.				
e	Chủ trương nghiên cứu mở rộng kho bãi (kho bãi di động từ việc mua container cũ qua sử dụng).				

- Tổng giá trị đầu tư: 22.270.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: trích từ Quỹ đầu tư phát triển.



Trên đây là nội dung báo cáo của BTGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ về kế hoạch SXKD năm 2020 của Ban Tổng giám đốc kính trình Đại hội. Ban Tổng giám đốc Công ty xin gửi đến toàn thể Quý cổ đông Công ty lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHỤ TRÁCH**



**Trịnh Vũ Khoa**

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kính thưa Quý cổ đông!

Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam xin báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động năm 2019, kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2020 của BKS, như sau:

### 1. Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2019 – 2024):

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên BKS	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
3	Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	Bắt đầu từ 26/06/2019
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	0,0086	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
5	Lê Hoàng	Thành viên BKS	0,0043	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
6	Vũ Xuân Hưng	Thành viên BKS	0,0009	Miễn nhiệm từ 26/06/2019

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	04/06/2014	3/3	100%	Bắt đầu từ 26/06/2019
2	Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên BKS	26/06/2019	2/2	100%	Bắt đầu từ 26/06/2019
3	Trần Thị Hạnh	Ủy viên BKS	31/05/2018	3/3	100%	Bắt đầu từ 26/06/2019
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên BKS	04/06/2014	1/1	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
5	Lê Hoàng	Ủy viên BKS	04/06/2014	1/1	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2019
6	Vũ Xuân Hưng	Ủy viên BKS	04/06/2014	1/1	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2019

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2018 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo

tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính của VOSA Quảng Ninh và VP VOSA.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

## **2. Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2018 của công ty:**

- Hoạt động kinh doanh:

- + Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2019 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

- + Năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt, gặp nhiều khó khăn dẫn đến chưa hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

## **3. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019:**

- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2018 (20% bằng tiền mặt) cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2019; phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

## **4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính do Ban Tổng giám đốc Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

## **5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

- **Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

- + Năm 2019, HĐQT đã thực hiện 04 lần họp và 14 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 20 Nghị quyết liên quan đến công tác quản trị, SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thống nhất kịp thời chỉ đạo Công ty cố gắng hoàn thành các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 và HĐQT cũng đã kịp thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán với các đơn vị hạch toán phụ thuộc còn tồn tại yếu kém, tuân thủ các quy định của Pháp luật;

- + Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao.

**- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

+ Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao và thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT. Tuy nhiên kết quả kinh doanh chưa đạt được như kế hoạch.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Đánh giá chung: Ban TGD chưa hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

**6. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cần trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán;

- Phối hợp cùng các Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của các chi nhánh theo điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện kiểm tra một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

**7. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc xem xét, chỉ đạo các đơn vị được kiểm tra rút kinh nghiệm theo các ý kiến của Ban Kiểm soát tại Biên bản kiểm tra và chỉ đạo Ban Tài chính kế toán, Ban Quản lý đầu tư rà soát để chấn chỉnh các sai sót tương tự (nếu có) tại Văn phòng và các chi nhánh khác nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định về công tác quản lý tài chính kế toán.

**8. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua ngày 26/06/2019.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Thù lao HĐQT và BKS	1.044.000.000
1.1	Thù lao của thành viên HĐQT (bình quân 9 triệu đồng/người/tháng): 07 người	756.000.000
1.2	Thù lao của thành viên BKS (bình quân 6 triệu đồng/người/tháng): - 06 tháng đầu năm: 05 người. - 06 tháng cuối năm: 03 người.	288.000.000
2	Tiền thưởng HĐQT, BDH và BKS	0
	Cộng	<b>1.044.000.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Luật chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2019, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và cổ đông.

#### **9. Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty:**

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông còn chậm trễ, chưa đúng thời hạn quy định, Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.



**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**ĐẠI LÝ HÀNG HẢI**  
**VIỆT NAM**  
**QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH**

*Hoàng Việt*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**VOSA CORPORATION**

**DỰ THẢO**



# **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 06/2020*



# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ .....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và mục tiêu hoạt động .....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu .....	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần .....	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần .....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY .....	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty .....	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông .....	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền .....	16
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	25
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	27
Điều 27. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	29
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	30
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	30
Điều 30. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	33
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty .....	34

VIII. BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	35
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành	35
Điều 33. Tổng giám đốc	35
Điều 34. Các phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng và phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu, giúp việc	36
IX. BAN KIỂM SOÁT	37
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	37
Điều 36. Kiểm soát viên	37
Điều 37. Ban kiểm soát	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	39
Điều 38. Trách nhiệm cần trọng	39
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	43
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 45. Năm tài chính	43
Điều 46. Chế độ kế toán	43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	43
Điều 48. Báo cáo thường niên	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ	44
Điều 49. Kiểm toán độc lập	44
Điều 50. Kiểm toán nội bộ	45
XVII. CON DẤU	45
Điều 51. Con dấu	45
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 53. Thanh lý	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 55. Điều lệ công ty	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 56. Ngày hiệu lực	47

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (dưới đây gọi là Điều lệ) được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thành lập tổ chức vào ngày 14/06/2006 và được điều chỉnh, bổ sung lần VI theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 23 tháng 6 năm 2020.

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký thành lập là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong điều lệ thành lập Công ty.

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp hiện hành đang có hiệu lực.

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán hiện hành đang có hiệu lực.

d. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

f. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.

g. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty;

h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và quy định của, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; (Chỉnh sửa lại để khi Luật Chứng khoán sắp ban hành mới vẫn phù hợp)

i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

k. "Công ty" là Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam;

m. "Điều lệ" là Điều lệ Công ty khi thành lập và Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động.

n. "Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ hoặc Đại hội" là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các dẫn chiếu tới một hoặc một số quy định của pháp luật hoặc văn bản khác được hiểu là bao gồm cả những quy định sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề, chương, điều của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc trình bày và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ khác đã được giải thích từ ngữ trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc pháp luật liên quan được sử dụng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như quy định của pháp luật.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION**
- Tên Công ty viết tắt: **VOSA CORPORATION**
- Logo:



2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty:

- Lầu 5, Tòa nhà Petroland số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số Điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số Fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824
- E-mail: [vosagroup@vosagroup.com](mailto:vosagroup@vosagroup.com).
- Website: [vosa.com.vn](http://vosa.com.vn)

4. Công ty có các Chi nhánh, văn phòng đại diện như danh sách tại Phụ lục số 2 - là phần kèm theo không tách rời của Điều lệ này. Trong quá trình hoạt động Công ty có thể thành lập, sáp nhập, giải thể chi nhánh và văn phòng đại diện theo quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của Pháp luật hiện hành.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập đến thời hạn lâu dài trừ các trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có thể đăng ký từ một (01) đến ba (03) người đại diện theo pháp luật căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được liên tục, thuận lợi và hiệu quả.

2. Trường hợp Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trường hợp Công ty có hơn một (01) người đại diện theo pháp luật thì căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty tại thời điểm đó, Hội đồng quản trị họp bàn để quyết định chỉ định (cử) một (01) người trong số các người đại diện theo pháp luật được thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp cần thiết để bảo đảm việc quản lý Công ty được thuận lợi và mang lại hiệu quả cho Công ty, HĐQT có thể quyết định cử 02 người là đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc. Trường hợp này HĐQT phải có phân công lĩnh vực, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch, không chồng chéo.

5. Quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật liên quan và quy định tại Điều lệ này.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và mục tiêu hoạt động**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hàng không, đường bộ, đường sắt và tổ chức liên hiệp vận chuyển; dịch vụ logistics;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá;

- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; dịch vụ vệ sinh tàu biển; dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển;
- Dịch vụ mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Vận tải biển, khai thác tàu biển; cho thuê thuyền viên;
- Vận tải đa phương thức quốc tế;
- Quản lý, khai thác cảng, kho, bến, bãi và dịch vụ giao nhận, kho vận;
- Dịch vụ kho ngoại quan; kinh doanh cửa hàng miễn thuế;
- Đại lý thủ tục hải quan;
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa, thiết bị, vật tư, phụ tùng và các loại hàng hóa khác theo quy định của pháp luật (vật tư, thiết bị kỹ thuật giao thông vật tải, thực phẩm công nghệ, thực phẩm tươi sống, hàng tiêu dùng, nông sản, thủy hải sản, lâm sản, cao su, cà phê, thuốc lá điều các loại, than, hóa chất, phân bón, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị y tế, thiết bị điện tử, hàng may mặc, xe máy, ô tô, các mặt hàng công nghiệp nhẹ, máy vi tính, trang thiết bị văn phòng, hàng triền lãm, máy in công nghiệp các loại, thiết bị viễn thông, gas hóa lỏng (LPG), mặt hàng động vật, thực vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp; nhập khẩu tàu cũ để phá dỡ; mua bán sắt, thép phế liệu; chuyển khẩu và kinh doanh xăng dầu; môi giới cấp xăng dầu nội địa; đại lý xăng dầu;
- Đại lý mua bán, ký gửi và phân phối hàng hóa; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
- Gia công hàng hoá xuất nhập khẩu; sản xuất, gia công và mua bán các loại bao bì; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay; Dịch vụ chuyển phát bưu kiện;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh, cho thuê tài chính;
- Vận tải container bằng đường bộ;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá (đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi), cát,



sỏi.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải và logistics gắn với chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn lực của Công ty.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành tinh giản, gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động SXKD.

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi của Công ty.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển SXKD kết hợp với chế độ quản lý nhân sự và gìn giữ, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam thịnh vượng.

## IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

### Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi tỷ chín trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14.096.486 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

*(Vốn điều lệ được điều chỉnh tăng theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐH ĐCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/05/2018).*

2. Vốn điều lệ của Công ty có thể thay đổi (tăng/giảm) theo quy định của Pháp luật hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục số 1 - là phần kèm theo không tách rời của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán và quy định của Điều lệ này..

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định về cổ phiếu tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải chứng minh hoặc cam kết về việc chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Hội đồng quản trị quy định cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện các quy định tại Điều này.

## **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành theo hình thức và thủ tục quy định của pháp luật hiện hành và của Công ty.

## **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật hiện hành có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc thừa kế cổ phần của cổ đông là cá nhân thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 126 Luật Doanh nghiệp và pháp luật về dân sự.

## **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Công ty thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị quyết định việc thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150 % /một năm lãi suất cho vay của ngân hàng mà công ty có tài khoản giao dịch) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị được quyền áp dụng các giải pháp hợp pháp và phù hợp để thực hiện việc thu hồi.

6. Thông báo Quyết định thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi bằng phương thức trực tiếp hoặc thư bảo đảm qua đường bưu điện trước thời điểm thu hồi ít nhất là 03 ngày. Ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng, việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp người nắm giữ cổ phần bị thu hồi từ chối nhận Thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

Công ty được tổ chức, quản lý theo mô hình sau:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.
5. Các Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và tham mưu, giúp việc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ này.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 35 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty có nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ này.

2. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

b. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- c. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
- đ. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- e. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - Vi phạm pháp luật;
  - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính trừ trường hợp xin gia hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Hội đồng quản trị có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa ( $1/2$ ) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ( $1/3$ ) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;



e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n. Hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền cho cá nhân khác hoặc tổ chức phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp để kiểm tra tư cách tham dự trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm

(65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.



4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Ứng viên được đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm

(40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và quy định cụ thể tại Điều lệ này như sau:

a. Hội đồng quản trị gồm các Thành viên Hội đồng quản trị với thành phần sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên HĐQT không điều hành; Thành viên HĐQT điều hành; Thành viên độc lập HĐQT .

b. Cơ cấu thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT điều hành phải bảo đảm sự cân đối và tính độc lập của Hội đồng quản trị theo hướng hạn chế tối đa thành viên HĐQT điều hành (*kiêm nhiệm chức danh người điều hành Công ty*).

c. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

## **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định.

3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Phê duyệt kế hoạch đầu tư bổ sung theo thẩm quyền được giao hoặc phân cấp.

d. Quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để xây dựng hệ thống quản trị Công ty rõ ràng, công khai, minh bạch, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả.

đ. Xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ và chỉ đạo, tổ chức thực hiện để hỗ trợ HĐQT kiểm soát mọi hoạt động quản lý, điều hành Công ty, quản trị rủi ro và bảo toàn vốn của Công ty.

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với những người điều hành công ty và các chức danh khác trừ trường hợp phân cấp cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc cũng như quyết định mức lương của họ;

f. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành Công ty;

g. Giải quyết các khiếu nại đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác cũng như việc tổ chức lại các đơn vị này;

i. Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi xây dựng, trình dự thảo và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

m. Trình đề xuất với Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định:

- Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Mức cổ tức hàng năm; thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc thông qua:

a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

d. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

đ. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

e. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

f. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

g. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

h. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo, thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình hoặc có thể phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay những Người điều hành công ty đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc phân cấp phải được quy định cụ thể tại các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

### **Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị căn cứ vào vị trí và công việc đảm nhiệm của từng thành viên.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mà thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi

phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

## **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT có đầy đủ các quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

a. Thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty nếu được Hội đồng quản trị quyết định cử.

b. Đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị để bảo đảm thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

d. Thực hiện cẩn trọng, trung thực các nhiệm vụ, quyền hạn được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền.

đ. Có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

f. Các quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế vị trí Chủ tịch HĐQT hoặc phụ trách tạm thời trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày việc từ chức được HĐQT chấp thuận hoặc ngày HĐQT quyết định bãi miễn.

## **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên HĐQT bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý công ty;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này trừ trường hợp xét thấy mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận là không phù hợp hoặc không vì lợi ích của Công ty. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty (nếu có); những người đề nghị tổ chức họp HĐQT được nêu tại khoản 3 Điều này đề nghị Ban Kiểm soát triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tổ chức ở nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản nếu thông báo không hợp lệ, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

## 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có

mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

d. Theo quy định tại điểm c Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 30. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là Tiểu ban nhân sự, lương thưởng, chiến lược phát triển, kiểm toán nội bộ hoặc các Tiểu ban khác. Việc thành lập các Tiểu ban phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương.



2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu quản trị của Công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể thành lập bộ phận giúp việc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm trường bộ phận giúp việc HĐQT tùy từng thời điểm thích hợp.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý, điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong hoạt động quản trị và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết, quyết định để thực hiện quyền hạn về công tác tổ chức nhân sự của Công ty.

### **Điều 33. Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và điều lệ này. Không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người quản lý khác làm Tổng giám đốc ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Hội đồng quản trị có thể thi tuyển Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về trình độ, phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm của Công ty để làm việc thông qua hình thức hợp đồng lao động. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Nhiệm kỳ có thể hết hiệu lực trước thời hạn căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

4. Tổng giám đốc có các quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, pháp luật hiện hành có liên quan và quy định tại Điều lệ này.

5. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự chỉ đạo, theo dõi, giám sát của Hội đồng quản trị trong mọi hoạt động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm được giao, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật và của Công ty.

6. Tổng giám đốc có các quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại trong phạm vi quyền hạn hoặc theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị;

c. Xây dựng, tham mưu, đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Tham mưu, đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Phối hợp, tham mưu, đề xuất việc tuyển dụng nhân sự cho các vị trí Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo quy chế quản lý nội bộ và đề xuất thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành Công ty để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định;

f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ căn cứ phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị;

g. Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

7. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước, Hội đồng quản trị khi được yêu cầu.

8. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

### **Điều 34. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng và phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu, giúp việc**

1. Các Phó Tổng giám đốc: Là người điều hành công ty có vai trò hỗ trợ, giúp việc Tổng giám đốc, thay mặt Tổng giám đốc điều hành các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc.

2. Kế toán trưởng: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy

định của pháp luật hiện hành về kế toán.

3. Phòng ban, chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu giúp việc do Hội đồng quản trị thành lập và quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động.

Chức năng chính là thực hiện các hoạt động mang tính chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc Tổng giám đốc thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong hoạt động quản trị, quản lý, điều hành công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 36. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 37. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, Ban kiểm soát ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

### **Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán



vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ liên quan khác của Công ty vì những mục đích phục vụ nhiệm vụ liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 42. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 43. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 44. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 45. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng Mười Hai (12).

##### **Điều 46. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 48. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

#### **Điều 49. Kiểm toán độc lập**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

#### **Điều 50. Kiểm toán nội bộ**

1. Công ty tổ chức thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và phù hợp với quy mô, yêu cầu quản trị của Công ty.

2. Hội đồng quản trị xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ, quy định tổ chức và hoạt động của các Bộ phận thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ pháp luật, phòng chống vi phạm, thất thoát, khủng hoảng.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 51. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 53. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành Công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 55. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 56. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 56 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhất trí thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
  - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
  - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.



## PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

(Kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 23/06/2020)

Tên cổ đông sáng lập	Số GCN ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTY TNHH MTV	0100104595	Đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 13/10/2015	Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội	Cổ phần phổ thông	7.196.838	71.968.380

## **PHỤ LỤC 2 - DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY CON VÀ LIÊN DOANH**

*(Kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được ĐHĐCD thường niên thông qua ngày 23/06/2020)*

### **I. Các Chi nhánh trực thuộc:**

1. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (VOSA Quảng Ninh).
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng (VOSA Hải Phòng).
3. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội (VOSA Hà Nội).
4. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy (VOSA Bến Thủy).
5. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng (VOSA Đà Nẵng).
6. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn (VOSA Quy Nhơn).
7. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang (VOSA Nha Trang).
8. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu (VOSA Vũng Tàu).
9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ (VOSA Cần Thơ).
10. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn).
11. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (NorthFreight).
12. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas).
13. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Vitamas.
14. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng hải và Thương mại (Samtra).

### **II. Các công ty con và liên doanh:**

1. Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam).
2. Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**DỰ THẢO**  
**QUY CHẾ NỘI BỘ**  
**VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Tháng 6 năm 2020**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I .....	5
QUY ĐỊNH CHUNG .....	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	5
Điều 2. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh.....	6
CHƯƠNG II .....	6
CỔ ĐÔNG, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;.....	6
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT .....	6
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	6
Điều 3. Cổ đông .....	6
Điều 4. Triệu tập cuộc họp của ĐHĐCĐ .....	6
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ .....	8
Điều 6. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ .....	9
Điều 7. Tổ chức họp ĐHĐCĐ.....	10
Điều 8. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền .....	13
Điều 9. Cách thức bỏ phiếu:.....	13
Điều 10. Cách thức kiểm phiếu:.....	14
Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu: .....	14
Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:.....	14
Điều 13. Công bố nghị quyết và bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:.....	15
Điều 14. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....	16
Điều 15. Họp bất thường ĐHĐCĐ.....	17
Điều 16. Thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ.....	19
Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ.....	19
Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	21
Điều 19. Các vấn đề khác.....	22
CHƯƠNG III.....	22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	22
Điều 20. Thành viên Hội đồng quản trị.....	22

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	22
Điều 22. Cơ chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị .....	22
Điều 23. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. ....	23
Điều 24. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25. Các cuộc họp HĐQT và điều hành các cuộc họp HĐQT .....	24
Điều 26. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản .....	28
Điều 28. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	29
CHƯƠNG IV .....	30
BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 29. Đề cử, ứng cử và điều kiện làm Kiểm soát viên .....	30
Điều 30. Cơ chế đề cử, ứng cử Kiểm soát viên .....	30
Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	30
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	30
Điều 33. Công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 34. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.....	31
CHƯƠNG V.....	31
TỔNG GIÁM ĐỐC.....	31
VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY .....	31
Điều 35. Người điều hành Công ty .....	31
Điều 36. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng .....	31
Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc .....	32
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng .....	32
Điều 39. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Công ty.....	32
Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng .....	32
Điều 41. Công bố thông tin về người điều hành của Công ty.....	34
CHƯƠNG VI .....	34
QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA .....	34

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	34
Điều 42. Nguyên tắc phối hợp công tác .....	34
Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. ....	34
Điều 44. Thông báo chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc .....	35
Điều 45. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc .....	35
Điều 46. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát .....	37
Điều 47. Phối hợp khác .....	37
Điều 48. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan .....	37
CHƯƠNG VII .....	399
ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, .....	39
KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY .....	39
Điều 49. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty.....	39
Điều 50. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật .....	39
Điều 51. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị .....	40
Điều 52. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát .....	40
Điều 53. Khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành Công ty .....	40
Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại .....	41
CHƯƠNG VIII .....	41
NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	41
Điều 55. Người quản trị công ty .....	41
Điều 56. Người quản trị công ty có các nhiệm vụ .....	41
CHƯƠNG IX .....	42
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	42
Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	42
Điều 58. Hiệu lực .....	42

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ - ĐHĐCĐ ngày tháng 6 năm 2020  
của ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Các từ ngữ được định nghĩa tại Điều lệ Công ty thì được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các từ ngữ được định nghĩa dưới đây có nghĩa như sau:

a. “Công ty” hoặc “Vosa Corporation” là Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; Công ty có tư cách pháp nhân.

b. “Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam khi thành lập và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam quyết nghị sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động.

c. “ĐHĐCĐ” hoặc “ĐHĐCĐ” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.

e. “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.

f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại điều giải thích từ ngữ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

g. “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

h. “Người điều hành Công ty” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

i. “UBCKNN” có nghĩa là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

k. “SGDCK” có nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán;

m. “TTLKCK” có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán;

2. Các từ ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

## **Điều 2. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty; Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

## **CHƯƠNG II**

### **CỔ ĐÔNG, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

## **Điều 3. Cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và các quy định hiện hành có liên quan (*Có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu*). Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty.

## **Điều 4. Triệu tập cuộc họp của ĐHĐCĐ**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được Người triệu tập họp ĐHĐCĐ triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;

- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa



chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại;
- Số và ngày đăng ký cổ đông;
- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ phải được gửi tới UBCKNN, TTLKCK, SGDKK chậm nhất mười (10) ngày trước ngày chốt danh sách.

### 3. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ:

a. Hội đồng quản trị Công ty cần thông nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ:

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ, đề xuất phải tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty. Sau khi xem xét các kiến nghị, HĐQT sẽ quyết định:

- Từ chối kiến nghị của cổ đông nếu nội dung và thủ tục kiến nghị vi phạm pháp luật hiện hành, khoản 5 Điều 17 Điều lệ và quy định của Công ty. Việc HĐQT từ chối kiến nghị và lý do từ chối phải được thông báo hoặc gửi văn bản trả lời đến cổ đông đã đưa ra kiến nghị.

- Đưa các kiến nghị hợp lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

### 4. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Hội đồng quản trị thành lập Tổ giúp việc tổ chức ĐHĐCĐ để tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ;

b. Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các Phòng ban chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị Công ty và Tổ trưởng Tổ giúp việc tổ chức ĐHĐCĐ.

c. Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ phải là tài liệu đã được HĐQT thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố.

d. Trong các trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ không do HĐQT triệu tập, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp ĐHĐCĐ hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

**5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ:**

a. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

b. Hội đồng quản trị sẽ quyết định địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ căn cứ vào số lượng cổ đông, khách mời tham dự và điều kiện tài chính của Công ty.

Trong các trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ không do HĐQT triệu tập, Người triệu tập họp sẽ quyết định địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ.

6. Sau khi chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự, Công ty gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên. Thông báo họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, SGDCK theo quy định.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.

**7. Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty)**

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Ngoài ra, HĐQT có thể mời một số chủ thể khác không sở hữu cổ phần của Công ty tới tham dự cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

**Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông (Thủ tục đăng ký cổ đông được thực hiện trong thời hạn do Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quyết định) và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Trước hoặc vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, các Đại biểu phải tiến hành đăng ký việc dự họp tại bàn đăng ký và người phụ trách việc đăng ký phải có một bản danh sách cổ đông có quyền dự

hợp để đối chiếu, theo dõi và điều chỉnh trong trường hợp có chuyển nhượng cổ phần, thừa kế.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Người đăng ký dự họp phải xuất trình thông báo mời họp, Chứng minh thư/Thẻ căn cước/Hộ chiếu, giấy tờ chứng minh việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty, nhận thừa kế và giấy ủy quyền (đối với người là đại diện theo ủy quyền của cổ đông).

3. Trường hợp cổ đông có nhiều hơn một người là đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp thì trong Giấy ủy quyền phải ghi rõ số cổ phần được quyền biểu quyết của từng người đại diện theo ủy quyền;

4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Sau khi đăng ký dự họp, cổ đông/người được ủy quyền được phát tài liệu họp và các tài liệu liên quan khác.

## **Điều 6. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 7. Tổ chức họp ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ tiến hành chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ.

2. Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.

3. ĐHĐCĐ thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên do HĐQT triệu tập; Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn ĐHĐCĐ khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) ĐHĐCĐ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

9. Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu tại khoản 10 Điều 19 Điều lệ Công ty, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của ĐHĐCĐ”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của ĐHĐCĐ có thể đồng thời tham dự ĐHĐCĐ ;

Thông báo về việc tổ chức ĐHĐCĐ không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

10. Trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác, mọi cổ đông được coi là tham gia ĐHĐCĐ ở địa điểm chính của ĐHĐCĐ.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

12. ĐHĐCĐ thông qua Danh sách Ban Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số ủy viên. Ban Thư ký phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến nội dung buổi làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ, những vấn đề đã được cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại ĐHĐCĐ;
- Dự thảo Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn chủ tịch.

13. ĐHĐCĐ thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu. Số lượng thành viên Ban kiểm phiếu tối thiểu là ba (03) thành viên.

a. Thành viên Ban kiểm phiếu phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây:

- Thành viên Ban kiểm phiếu không là thành viên HĐQT hoặc ứng viên HĐQT/BKS Công ty trong kỳ ĐHĐCĐ;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

- Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.

b. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm:

- Trình bày Quy chế bầu cử để ĐHĐCĐ thông qua, danh sách đề cử và ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Hướng dẫn sử dụng phiếu bầu cử;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu và báo cáo về kết quả kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ một cách trung thực, chính xác. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo.

14. ĐHĐCĐ thông qua nội dung chương trình nghị sự:

a. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc;

b. Các nội dung thuộc nội dung chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ của Công ty;

c. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo Thông báo mời họp;

d. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.

15. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự:

a. Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp không thể trả lời trực tiếp tại cuộc họp, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ cần có văn bản trả lời cổ đông sau cuộc họp;

b. Người điều hành, người quản lý của Công ty có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cuộc họp được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp ĐHĐCĐ.

## **Điều 8. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền cho cá nhân khác hoặc tổ chức phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp để kiểm tra tư cách tham dự trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 9. Cách thức bỏ phiếu:**

1. Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ để biểu quyết, bỏ phiếu đối với từng nội dung được thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

2. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết công khai theo sự điều khiển của Chủ tọa cuộc họp;

Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ngày họp;

3. Tỷ lệ phiếu tán thành cần thiết để thông qua mỗi nội dung được thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải tuân thủ quy định tại Điều 20, Điều lệ Công ty.

#### **Điều 10. Cách thức kiểm phiếu:**

1. Ban Kiểm phiếu xác định số lượng thẻ biểu quyết tán thành, thẻ biểu quyết phản đối, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định;

2. Căn cứ số lượng cổ đông tham gia, thời gian thực hiện, Ban kiểm phiếu có thể thực hiện xác định số lượng thẻ biểu quyết bằng hình thức linh hoạt, phù hợp;

3. Đối với kỳ họp ĐHĐCĐ có hoạt động bầu cử, nội dung bầu cử phải được tiến hành trước thời điểm biểu quyết thông qua từng nội dung thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ để trong thời gian Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cuộc họp ĐHĐCĐ tiếp tục thảo luận các nội dung khác.

#### **Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu:**

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Quy định này không áp dụng cho việc thông báo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

#### **Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;



e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ thuộc về Thư ký cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của nội dung biên bản;

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải có chữ ký của Chủ tọa cuộc họp và Thư ký cuộc họp; Biên bản và nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ (và Biên bản kiểm phiếu nếu có thủ tục bầu cử) phải được công bố trên Website của Công ty và gửi đến UBCKNN và SGDCK theo quy định.

### **Điều 13. Công bố nghị quyết và bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:**

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành ĐHĐCĐ thông qua nội dung biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp.

4. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b. Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c. Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

#### **Điều 14. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung sau:

a. Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Thu nhập của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

c. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;

d. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc, Người điều hành Công ty;

g. Các kế hoạch trong tương lai.

Ngoài các nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát:

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung sau:

a. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;

d. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

e. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và những người điều hành khác;

f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Ngoài các nội dung trên, BKS Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.

### **Điều 15. Hợp bất thường ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ hợp bất thường được triệu tập trong các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm triệu tập hợp bất thường ĐHĐCĐ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

a. Trách nhiệm triệu tập hợp bất thường ĐHĐCĐ bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty;

b. Trường hợp HĐQT hoặc BKS không triệu tập hợp ĐHĐCĐ như quy định thì HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập hợp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu hợp ĐHĐCĐ không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Chủ thể yêu cầu triệu tập hợp ĐHĐCĐ không có quyền này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Quyền triệu tập hợp bất thường ĐHĐCĐ của cổ đông Công ty:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền triệu tập hợp bất thường ĐHĐCĐ khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác mà HĐQT/BKS Công ty có trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường nhưng đã không thực hiện.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

Đề nghị phải lập bằng văn bản và gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty;

- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, gồm họ và tên (đối với cá nhân), tên và địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân), số cổ phần phổ thông và tỷ lệ sở hữu, ngày và số đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông;

- Lý do triệu tập họp ĐHĐCĐ, thời gian và địa điểm họp;

- Chữ ký của tất cả cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp;

\* Kèm theo văn bản đề nghị trên là:

- Giấy yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ;

- Giấy mời họp ĐHĐCĐ;

- Chương trình họp và các tài liệu phục vụ họp

4. Người triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

5. Trình tự, thủ tục tổ chức và thông qua các nội dung tại cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ thực hiện như cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ của Công ty.

### **Điều 16. Thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

### **Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ.**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết/quyết định. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết/quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết/quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu

Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ và quy chế này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và quy chế này.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 19. Các vấn đề khác**

Các vấn đề, nội dung khác liên quan đến việc triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

### **Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

### **Điều 22. Cơ chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế tại Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được



công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật:

1. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại ĐHĐCĐ;
2. Ứng viên phải báo cáo trước ĐHĐCĐ thông tin cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty với những nội dung tối thiểu sau:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
  - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
  - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - i. Các thông tin khác (nếu có).
3. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, HĐQT, BKS đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại ĐHĐCĐ;
4. Thời gian để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều này cho mỗi cá nhân tối đa là 10 phút.

### **Điều 23. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị xin từ chức phải có văn bản.
3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được báo cáo và được chấp thuận của ĐHĐCĐ theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Việc thay thế, bổ sung thành viên HĐQT:

a. Việc bầu bổ sung/thay thế thành viên HĐQT trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất;

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều 13 Điều lệ; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 13 Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT có đầy đủ các quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều 28 Điều lệ Công ty.

c. Chủ tịch HĐQT có thể từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế vị trí Chủ tịch HĐQT hoặc phụ trách tạm thời trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày việc từ chức được HĐQT chấp thuận hoặc ngày HĐQT quyết định bãi miễn.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bãi nhiệm/miễn nhiệm.

6. Việc thay đổi nhân sự HĐQT của Công ty phải được công bố thông tin trên Website của Công ty và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

## **Điều 24. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo quý, theo các kỳ họp và hàng năm theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và yêu cầu công tác của Công ty.

Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ của mình.

## **Điều 25. Các cuộc họp HĐQT và điều hành các cuộc họp HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên HĐQT bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý Công ty;
- c. Thành viên độc lập HĐQT;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này trừ trường hợp xét thấy mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận là không phù hợp hoặc không vì lợi ích của Công ty. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty (nếu có); những người đề nghị tổ chức họp HĐQT được nêu tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty đề nghị Ban Kiểm soát triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp tổ chức ở nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản nếu thông báo không hợp lệ, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 11 Điều 29 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có

thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

d. Theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm hoặc chỉ đạo Người quản trị Công ty gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

16. Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp HĐQT đối với các cuộc họp thường kỳ phải bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- a. Báo cáo công việc đã thực hiện giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị trong kỳ tới;
- b. Báo cáo của Tổng giám đốc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới;
- c. Trưởng ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát và cảnh báo với hoạt động của Công ty;
- d. Báo cáo của các Tiểu ban (nếu có).

17. Điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa điều hành các cuộc họp của HĐQT.
- b. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp, Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT điều hành cuộc họp.
- c. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể thực hiện nhiệm vụ và cũng không có văn bản ủy quyền, các thành viên HĐQT bầu một thành viên thực hiện vai trò điều hành cuộc họp HĐQT.
- d. Chủ tọa thông qua nội dung tài liệu cuộc họp đã gửi đến các thành viên dự họp và yêu cầu các cá nhân đã được phân công nhiệm vụ thực hiện báo cáo các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp.

**Điều 26. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

- 1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT dự họp (trên 50%) và theo nguyên tắc quy định tại Điều 25 Quy chế này. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 2. Thư ký cuộc họp HĐQT có trách nhiệm hoàn thiện nội dung nghị quyết của HĐQT trình Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch ủy quyền) ký duyệt.
- 3. HĐQT phân công bộ phận chịu trách nhiệm lưu giữ bản gốc và bản sao các nghị quyết của HĐQT.
- 4. Nghị quyết của HĐQT phải được gửi tới các thành viên và cá nhân có liên quan.
- 5. Việc công bố toàn phần hoặc một phần nội dung nghị quyết của HĐQT tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng và quy định về quản lý Văn thư của Công ty.

**Điều 27. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Người quản trị Công ty và hoặc bộ phận giúp việc HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên HĐQT. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên HĐQT bằng thư điện tử (E-mail).

3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên công ty; mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến; phương thức biểu quyết; thời hạn lấy ý kiến; các tài liệu giải trình có liên quan.

4. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Người quản trị Công ty và hoặc bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tập hợp kết quả phiếu xin ý kiến, tổng hợp nội dung và báo cáo Chủ tịch HĐQT.

5. Quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên được lấy ý kiến biểu quyết về vấn đề đó. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

6. Phiếu ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời và ký xác nhận, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết/quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại bộ phận giúp việc và hoặc Người quản trị Công ty tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 28. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT là tiểu ban nhân sự, lương thưởng, chiến lược phát triển, kiểm toán nội bộ hoặc các tiểu ban khác. Việc thành lập các tiểu ban phải được ĐHĐCĐ thông qua chủ trương.

2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tiểu ban do HĐQT quyết định phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty, cụ thể như sau:

a. Cơ cấu của tiểu ban gồm: Trưởng tiểu ban và các thành viên. Trưởng tiểu ban có thể là thành viên HĐQT không điều hành; Cá nhân không phải là thành viên HĐQT được giới thiệu làm thành viên tiểu ban phải có chuyên môn, kinh nghiệm liên quan đến nhiệm vụ của Tiểu ban.

b. Hoạt động của Tiểu ban: Nhiệm vụ, nội dung, giới hạn thẩm quyền hoạt động của tiểu ban được ghi trong quyết định thành lập; Tiểu ban hoạt động dưới

sự chỉ đạo của trưởng tiểu ban; Định kỳ hoặc theo yêu cầu của HĐQT, Trưởng Tiểu ban có trách nhiệm báo cáo kết quả công việc đang thực hiện;

e. Chi phí hoạt động của Tiểu ban được xác định trong chi phí hoạt động của HĐQT.

## **CHƯƠNG IV**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 29. Đề cử, ứng cử và điều kiện làm Kiểm soát viên**

Đề cử, ứng cử và điều kiện làm Kiểm soát viên tuân thủ quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 30. Cơ chế đề cử, ứng cử Kiểm soát viên**

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử và tổ chức đề cử theo cơ chế sau:

1. Ứng viên được Ban kiểm soát đề cử thêm phải có mặt tại ĐHĐCĐ;
2. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội thông tin cá nhân;
3. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại Đại hội;
4. Thời gian để thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này cho mỗi cá nhân tối đa là 10 phút.

#### **Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và được hướng dẫn cụ thể Quy chế bầu cử tại mỗi kỳ ĐHĐCĐ.

#### **Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên tuân thủ quy định tại Khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty.

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;



b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 33. Công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát**

Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định.

### **Điều 34. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát**

Thực hiện theo điều 37 Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY**

### **Điều 35. Người điều hành Công ty**

Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc; từ 01 đến 03 Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng. Các chức danh này do HĐQT bổ nhiệm.

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được sử dụng số lượng người điều hành Công ty phù hợp với điều kiện nhu cầu thực tế của Công ty tại từng thời điểm.

Tổng giám đốc là người quyết định và chịu trách nhiệm trước HĐQT về mọi hoạt động của nhóm người điều hành Công ty.

### **Điều 36. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Tiêu chuẩn cụ thể của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Tổng giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.

**Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc**

1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 33 Điều lệ Công ty.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế đối với Tổng giám đốc Công ty phải được công bố thông tin trên Website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

**Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng**

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo các trình tự, thủ tục quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng là năm (05) năm.

2. Thuê Kế toán trưởng:

a. Việc thuê Kế toán trưởng phải do Hội đồng quản trị quyết định;

b. Tiêu chuẩn ứng viên được thuê làm Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

c. Chi phí thuê Kế toán trưởng thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ trực tiếp giữa hai bên hoặc thông qua đơn vị trung gian phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 39. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Công ty**

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Công ty thực hiện theo Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

**Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng giám đốc:

a. Giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc;

b. Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về hiệu quả các hoạt động;

c. Theo ủy quyền bằng văn bản của Tổng giám đốc phù hợp với từng giai đoạn và phân cấp công việc;

d. Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Tổng giám đốc về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao;

e. Phó Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có quyền kiến nghị với Tổng giám đốc những điểm chưa phù hợp. Trường hợp Tổng giám đốc không điều chỉnh, vẫn phải thực hiện theo ý kiến của Tổng giám đốc nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo HĐQT, Chủ tịch HĐQT. Tổng giám đốc có trách nhiệm giải trình với HĐQT về quyết định của mình khi có yêu cầu của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.

### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng:

a. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty;

b. Tham mưu công tác kế toán cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc;

c. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;

d. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với quy định của Công ty;

e. Lập Báo cáo tài chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty;

f. Báo cáo bằng văn bản cho Tổng giám đốc khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty;

g. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT, Tổng giám đốc về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng;

h. Chủ trì tham mưu, tham gia phối hợp xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính và các quy chế, quy định nội bộ về tài chính của Công ty.

i. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

j. Có ý kiến bằng văn bản với Tổng giám đốc Công ty về việc tuyển dụng, chuyển đổi vị trí, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

k. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng;

1. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về kế toán.

#### **Điều 41. Công bố thông tin về người điều hành của Công ty**

Khi có sự thay đổi về Người điều hành Công ty, Người công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG VI**

#### **QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 42. Nguyên tắc phối hợp công tác**

1. Việc phối hợp công tác giữa HĐQT, thành viên HĐQT với Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty;
- b. Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- c. Thực hiện nguyên tắc rõ ràng, công khai, minh bạch;
- d. Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

#### **Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.**

1. Cuộc họp của HĐQT: Chủ tịch HĐQT mời thành viên Ban kiểm soát tham dự. Theo nội dung chương trình cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể mời các thành phần khác thuộc nhóm Người điều hành Công ty; Trưởng các Phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu, giúp việc; lãnh đạo các chi nhánh có liên

quan tham dự cuộc họp của HĐQT và báo cáo, giải trình công việc và tham gia ý kiến chuyên môn khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế này và quy chế hoạt động của HĐQT.

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát: tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng BKS phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Cuộc họp của Ban Tổng giám đốc: tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT và thành viên BKS tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch HĐQT có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

#### **Điều 44. Thông báo chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS và Tổng giám đốc Công ty (trường hợp không là thành viên HĐQT) đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

#### **Điều 45. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống quản trị công ty bảo đảm rõ ràng, công khai, minh bạch; giải quyết kịp thời các khó khăn, hạn chế (nếu có) để tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết giúp Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao trên cơ sở thực hiện nghiêm túc, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp nhận thấy việc thực hiện sẽ gây tổn thất đến lợi ích của Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến. HĐQT tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b. Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c. Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d. Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

4. Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

5. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hằng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo (có kèm theo bản dự toán), cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

6. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hằng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến HĐQT về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

7. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ và Quy định quản lý nội bộ của Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn hai tư (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

8. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT mà có vai trò của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến định

kèm các tài liệu liên quan gửi đến HĐQT. Tờ trình xin ý kiến phải theo các yêu cầu của HĐQT và tối thiểu phải gồm những nội dung cơ bản sau:

- a. Vấn đề cần xin ý kiến giải quyết;
- b. Quan điểm của Tổng giám đốc về vấn đề cần xin ý kiến;
- c. Đề xuất cụ thể phương án giải quyết.

#### **Điều 46. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

#### **Điều 47. Phối hợp khác**

1. Hội đồng quản trị ban hành cơ chế tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS và những người điều hành của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch HĐQT chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

#### **Điều 48. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan**

1. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác

hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải báo cáo HĐQT về đề xuất thực hiện hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này và kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

3. Các thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan với các hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều này được phép tham gia thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch này phải được công bố thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo UBCKNN, SGDCK theo quy định.

5. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.



## **CHƯƠNG VII**

### **ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

#### **Điều 49. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty**

1. Việc đánh giá hoạt động của HĐQT, BKS và những người điều hành Công ty được thực hiện hàng năm.
2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:
  - a. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;
  - b. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;
3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.
4. Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, bộ phận giúp việc, Người quản trị Công ty, Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho HĐQT, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hằng năm.

#### **Điều 50. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật**

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:
  - a. Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Công ty.
  - b. Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.
2. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:
  - a. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;
  - b. Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
  - c. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

- a. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;
- b. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 51. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên HĐQT Công ty được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

**Điều 52. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 53. Khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành Công ty**

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:
  - a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định liên quan của Công ty.
  - b. Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm pháp luật hiện hành và Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:
  - a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định liên quan của Công ty.

b. Kỷ luật: Những người điều hành của Công ty bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm pháp luật hiện hành và Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

#### **Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật và của Công ty.

2. Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

### **CHƯƠNG VIII NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 55. Người quản trị công ty**

1. Người quản trị công ty do HĐQT quyết định chỉ định (cử) để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, giúp việc HĐQT thực hiện các quy định, yêu cầu của pháp luật đối với quản trị công ty đại chúng và quy định tại Điều lệ, quy chế này.

2. Nhiệm kỳ của Người quản trị công ty tối đa là năm (05) năm. Hội đồng quản trị có thể thay thế Người quản trị công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

#### **Điều 56. Người quản trị công ty có các nhiệm vụ**

1. Tham mưu Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

3. Tham mưu về thủ tục của các cuộc họp;

4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tham mưu, dự thảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

9. Các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ khác do HĐQT, Chủ tịch HĐQT giao, phân công.

## **CHƯƠNG IX**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của ĐHĐCĐ Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 58. Hiệu lực**

1. Quy chế này bao gồm 9 Chương, 58 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua và giao cho Hội đồng quản trị ban hành. Quy chế này thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Hội đồng quản trị; Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc; Trưởng các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, tham mưu, bộ phận giúp việc; Giám đốc các Chi nhánh; đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**